

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

CÁC BỘ

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

**QUYẾT ĐỊNH số 621/2001/QĐ-BLĐTBXH
ngày 03/7/2001 về việc ban hành
Quy chế thực hiện đưa người lao
động Việt Nam sang tu nghiệp tại
Nhật Bản.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 07/12/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 152/1999/NĐ-CP ngày 20/9/1999 của Chính phủ quy định việc người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 68/2001/QĐ-TTg ngày 02/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp xử lý đối với tu nghiệp sinh Việt Nam tại Nhật Bản và Hàn Quốc tự ý bỏ hợp đồng tu nghiệp;

Căn cứ Biên bản làm việc ký ngày 10 tháng 5 năm 2001 giữa Đoàn công tác liên Bộ của Chính phủ Việt Nam và Cơ quan Hợp tác đào tạo quốc tế Nhật Bản (JITCO);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện đưa người lao động Việt Nam sang tu nghiệp tại Nhật Bản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài, Thủ trưởng Tổ chức phái cử tu nghiệp sinh Việt Nam sang Nhật Bản; Thủ trưởng các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Thủ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO

QUY CHẾ thực hiện đưa người lao động Việt Nam sang tu nghiệp tại Nhật Bản

(ban hành kèm theo Quyết định số 621/2001/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng.

1. Quy chế này áp dụng đối với:

a) Doanh nghiệp Việt Nam đưa lao động Việt Nam sang tu nghiệp tại Nhật Bản (sau đây gọi là tổ chức phái cử).

b) Người lao động Việt Nam sang tu nghiệp tại Nhật Bản (sau đây gọi là tu nghiệp sinh).

2. Tổ chức phái cử, tu nghiệp sinh phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật Nhật Bản và những quy định cụ thể tại Quy chế này.

Điều 2. Hợp đồng phái cử và tiếp nhận tu nghiệp sinh.

1. Hợp đồng phái cử và tiếp nhận tu nghiệp sinh ký giữa Tổ chức phái cử và đối tác Nhật Bản phải đảm bảo các điều kiện, nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật Nhật Bản.

2. Tổ chức phái cử có trách nhiệm gửi bản sao hợp đồng và đăng ký thực hiện hợp đồng tại Cục Quản lý lao động với nước ngoài.

Điều 3. Tuyển chọn tu nghiệp sinh.

1. Tổ chức phái cử phải trực tiếp tuyển chọn tu nghiệp sinh là lao động đang làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp, công trường xây dựng, doanh nghiệp đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Người lao động Việt Nam được tuyển chọn đi tu nghiệp tại Nhật Bản phải đủ các điều kiện sau:

- Có trình độ và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp

ứng yêu cầu của hợp đồng phái cử và tiếp nhận tu nghiệp sinh sang Nhật Bản;

- Có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, tư cách tốt, không vi phạm kỷ luật và pháp luật.

Điều 4. Đào tạo, giáo dục định hướng cho tu nghiệp sinh.

1. Tổ chức phái cử phải tổ chức cho tu nghiệp sinh học tiếng Nhật theo chương trình của đối tác Nhật Bản và giáo dục định hướng theo chương trình do Cục Quản lý lao động với nước ngoài biên soạn. Tổ chức phái cử phải đảm bảo mỗi tu nghiệp sinh có 1 bộ tài liệu học tập.

Trước khi tổ chức đào tạo, giáo dục định hướng cho tu nghiệp sinh đi Nhật Bản, Tổ chức phái cử phải báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động với nước ngoài) và cơ quan chủ quản danh sách tu nghiệp sinh, địa điểm, thời gian, chương trình, nội dung đào tạo giáo dục định hướng.

2. Kết thúc khóa học tiếng Nhật và giáo dục định hướng, Tổ chức phái cử báo cáo Cục Quản lý lao động với nước ngoài về địa điểm, thời gian, tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tiếng và giáo dục định hướng của tu nghiệp sinh để Cục Quản lý lao động với nước ngoài theo dõi, giám sát. Kết quả kiểm tra phải có xác nhận của Tổ chức phái cử và của cơ sở đào tạo; Tổ chức phái cử phải gửi kết quả kiểm tra về Cục Quản lý lao động với nước ngoài.

3. Việc cấp chứng chỉ đào tạo, giáo dục định hướng cho tu nghiệp sinh thực hiện theo quy định tại Quy chế tạm thời về cấp phát và quản lý chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 179/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Thực hiện chế độ tài chính.

1. Tổ chức phái cử được thu của tu nghiệp sinh khoản tiền đặt cọc bằng một lượt vé máy bay từ Việt Nam đến Nhật Bản và 1 tháng trợ cấp tu nghiệp. Khoản tiền đặt cọc này sẽ được hoàn trả cả gốc và lãi theo quy định khi tu nghiệp sinh

hoàn thành chương trình tu nghiệp và thực tập kỹ thuật trở về.

2. Tổ chức phái cử không thu của tu nghiệp sinh các khoản chi phí sau: Chi phí tuyển chọn; chi phí học tiếng Nhật trước khi đi; khám sức khỏe; làm hộ chiếu; Visa; chi phí đi lại trong nước; chi phí đi lại từ sân bay đến nơi tu nghiệp; chi phí thông tin, tư vấn với các tổ chức liên quan; chi phí cần thiết cho việc tiếp nhận tu nghiệp sinh trở về sau khi hoàn thành nhiệm vụ; tiền đóng bảo hiểm xã hội và phí dịch vụ.

Các khoản chi phí nêu trên sẽ do Tổ chức tiếp nhận của Nhật Bản chịu trách nhiệm chi trả cho Tổ chức phái cử của Việt Nam theo hợp đồng phái cử và tiếp nhận tu nghiệp sinh.

3. Trong thời gian tu nghiệp tại Nhật Bản, tu nghiệp sinh không phải nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao tại Việt Nam.

4. Tu nghiệp sinh có quyền tự quyết định việc chuyển tiền về Việt Nam cho gia đình.

5. Tổ chức phái cử có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2000/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 28/2/2000 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Điều 6. Quản lý tu nghiệp sinh tại Nhật Bản.

1. Tổ chức phái cử có trách nhiệm ký Hợp đồng đi tu nghiệp tại Nhật Bản với từng người lao động trước khi đưa họ đi tu nghiệp tại Nhật Bản.

2. Đối với mỗi hợp đồng phái cử và tiếp nhận tu nghiệp sinh, Tổ chức phái cử phải gửi cho Cục Quản lý lao động với nước ngoài và JITCO 1 bản sao Hợp đồng đi tu nghiệp tại Nhật Bản ký với một tu nghiệp sinh.

3. Tổ chức phái cử có trách nhiệm báo cáo danh sách tu nghiệp sinh đưa đi theo từng đợt gửi Cục Quản lý lao động với nước ngoài và Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 28/1999/TT-BLĐTBXH ngày 15/11/1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Căn cứ số lượng tu nghiệp sinh đang tu

nghiệp, làm việc tại các khu vực, địa phương của Nhật Bản, Tổ chức phái cử phải báo cáo Cục Quản lý lao động với nước ngoài phương án tổ chức quản lý tu nghiệp sinh do tổ chức mình đưa sang Nhật Bản tu nghiệp.

Điều 7. Tu nghiệp sinh Việt Nam tại Nhật Bản nếu tự ý bỏ hợp đồng sẽ bị xử lý như sau:

1. Bồi thường cho Tổ chức phái cử những thiệt hại và chi phí có liên quan đến việc tự ý bỏ hợp đồng, bao gồm:

a) Chi phí tuyển chọn, đào tạo phục vụ cho việc đi tu nghiệp tại Nhật Bản;

b) Các khoản tiền phạt, tiền bồi thường mà Tổ chức phái cử trả cho đối tác Nhật bản;

c) Các thiệt hại thực tế do tu nghiệp sinh tự ý bỏ hợp đồng gây ra cho Tổ chức phái cử.

2. Bị buộc về nước và phải chịu toàn bộ chi phí đưa về nước.

3. Bị thông báo cho gia đình, nơi làm việc trước khi đi tu nghiệp, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tu nghiệp sinh cư trú về việc tự ý bỏ hợp đồng.

4. Không được tuyển chọn đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn 5 năm kể từ ngày trở về nước.

Điều 8. Trách nhiệm của Tổ chức phái cử trong việc đưa tu nghiệp sinh vi phạm về nước:

1. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tổ chức tiếp nhận tu nghiệp sinh về việc tu nghiệp sinh tự ý bỏ hợp đồng, Tổ chức phái cử phải có văn bản đề nghị Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự Việt Nam tại Nhật Bản đưa tu nghiệp sinh đó về nước; đồng thời báo cáo Cục Quản lý lao động với nước ngoài.

2. Tổ chức phái cử phối hợp với Tổ chức tiếp nhận tu nghiệp sinh, các cơ quan chức năng của Nhật Bản, Cơ quan Đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự Việt Nam tại Nhật Bản thực hiện tổ chức đưa tu nghiệp sinh vi phạm về nước.

3. Tạm ứng kinh phí để kịp thời giải quyết các

vấn đề phát sinh và được khấu trừ tiền đặt cọc của tu nghiệp sinh.

Điều 9. Tổ chức phái cử vi phạm Quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước thì bị xử lý:

1. Tạm đình chỉ đưa tu nghiệp sinh sang Nhật Bản trong thời gian 6 tháng nếu vi phạm một trong những trường hợp sau:

a) Tuyển tu nghiệp sinh qua trung gian, môi giới;

b) Thu tiền của tu nghiệp sinh qua trung gian, môi giới;

c) Thu tiền không đúng quy định;

d) Đào tạo, giáo dục định hướng cho tu nghiệp sinh không đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

e) Có tỷ lệ tu nghiệp sinh tự ý bỏ hợp đồng từ 10% trở lên trên tổng số tu nghiệp sinh đang tu nghiệp theo hợp đồng (tính từ ngày Quy chế này có hiệu lực);

f) Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Quy chế này và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 152/1999/NĐ-CP ngày 20/9/1999 của Chính phủ.

2. Đình chỉ việc đưa tu nghiệp sinh sang Nhật Bản nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

a) Sau thời gian bị tạm đình chỉ vẫn tái phạm một trong những điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Có tỷ lệ tu nghiệp sinh tự ý bỏ hợp đồng tu nghiệp từ 15% trở lên.

Điều 10. Cơ quan cấp trên của Tổ chức phái cử chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý hoạt động của các Tổ chức phái cử thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 152/1999/NĐ-CP ngày 20/9/1999 của Chính phủ.

Điều 11. Cục Quản lý lao động với nước ngoài phối hợp với Thanh tra chính sách - lao động xã hội, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã

hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức kiểm tra, thanh tra các Tổ chức phái cử, kịp thời uốn nắn các sai phạm và kiến nghị hình thức xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thứ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 53/2001/TT-BTC ngày 03/7/2001 hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

Căn cứ Pháp lệnh Thú y và Nghị định số 93/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Để tăng cường, nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh nhằm bảo vệ và phát triển động vật, cung cấp động vật và sản phẩm động vật có chất lượng cao cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, bảo vệ sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái. Sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về thú y như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ MỨC THU

1. Phạm vi áp dụng:

a) Theo quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh Thú